

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **471/2021/HS-ST**
Ngày 22-11-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

Trong ngày 22 tháng 11 năm 2021, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố B , tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 411/2021/TLST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 418/2021/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1030/2021/QĐ-HPT ngày 05 tháng 10 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị T(Tên gọi khác: không), Sinh năm 1996. Nơi sinh: tỉnh Đồng Nai. Nơi cư trú: 7/3, khu phố 2, phường B1, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: không biết chữ. Con ông Nguyễn Văn M, sinh năm: không rõ (đã chết) và bà Đào Thị H, sinh năm: 1959 (còn sống).

Sống chung như vợ chồng với anh Nguyễn Thanh L (sinh năm 1988) và có 03 con (lớn nhất sinh năm 2012 đã chết, nhỏ nhất sinh năm 2019).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/3/2021 đến ngày 29/3/2021 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 483 ngày 29/3/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B , tỉnh Đồng Nai. Hiện đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Điều Văn H2 (Tên gọi khác: không). Sinh năm 2001. Nơi sinh: tỉnh V. Nơi cư trú: K2/12A, khu phố 3, phường B1, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: lớp 08/12. Con ông Điều Văn T, sinh năm: 1977 (còn sống) và bà Võ Thị L, sinh năm: 1976 (còn sống).

Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/3/2021, chuyển tạm giam theo Lệnh tạm giam số: 482 ngày 29/3/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố B; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị hại:* Chị Nguyễn Nhật Tường V, sinh năm: 1997.

HKTT: C124B, tổ 32, khu phố 5, phường B1, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Anh Nguyễn Thanh L, sinh năm: 1988.

HKTT: 138/3, khu phố 3, phường Hiệp H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

Lê Quý L, sinh năm 1993.

Địa chỉ: 5/9, tổ 20B, khu phố 2A, phường Long B2, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23 giờ 30 phút ngày 20/3/2021, Điều Văn H2 điều khiển xe mô tô biển số 60M5-0606 chở Nguyễn Thị T đi trên đường Huỳnh Văn N thuộc phường B1, thành phố B, tỉnh Đồng Nai theo hướng từ Ngã tư Cầu H, thành phố B đi hướng huyện V, tỉnh Đồng Nai. Khi đi đến đoạn đường trước Khu du lịch B thuộc khu phố 4, phường B1, thành phố B, tỉnh Đồng Nai thì T phát hiện chị Nguyễn Nhật Tường V (sinh năm 1997), ngụ tại C124B, tổ 32, khu phố 5, phường B1, thành phố B, tỉnh Đồng Nai đang điều khiển xe mô tô biển số 60F3-618.10 đi phía trước cùng chiều, trong túi quần bên phải có để 01 chiếc điện thoại di động nên T nảy sinh cướp giật tài sản, T nói H điều khiển xe đuổi theo chị V để T giật chiếc điện thoại, H đồng ý. Sau đó, H tăng ga điều khiển xe mô tô biển số 60M5-0606 chạy áp sát phía bên phải xe mô tô của chị V, T dùng tay trái giật lấy chiếc điện thoại trong túi quần của chị V rồi H điều khiển xe mô tô biển số 60M5-0606 bỏ chạy về hướng huyện V, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, thì chị V tri hô đuổi theo H, T. Thấy chị V đuổi theo nên H vòng lại chạy về hướng thành phố B, khi chạy đến phường Q, thành phố B thì xe mô tô biển số 60M5-0606 do H điều khiển đã va quệt với một người đàn ông (không rõ nhân thân) điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) nên cả hai bị té ngã xuống đường thì cùng lúc chị V điều khiển xe mô tô chạy đến tri hô cùng với người dân bắt giữ T, H giao cho Công an phường Q lập biên bản bắt người phạm tội quả tang cùng

tang vật. Sau đó, Công an phường Q lập hồ sơ ban đầu chuyển đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B để điều tra theo thẩm quyền. Quá trình điều tra, T, H đã thừa nhận hành vi cướp giật tài sản như đã nêu trên.

- Tại bản kết luận định giá số 112/TCKH-HĐĐG ngày 23/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B, kết luận: 01 (một) điện thoại di động Samsung Galaxy J7 Prime, có tổng giá trị tài sản định giá là 1.377.000 đồng (một triệu, ba trăm bảy mươi bảy nghìn đồng). Bút lục số: 87-89.

- Vật chứng của vụ án:

- + 01 (một) điện thoại di động Samsung Galaxy J7 Prime màu vàng, số Imei 353415083262116/01 là thuộc sở hữu của chị Nguyễn Nhật Tường V nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại cho chị V là đúng quy định pháp luật (bút lục số: 80).

- + 01 (một) xe mô tô biển số 60M5- 0606 (bút lục số: 01- 02).

- Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị hại chị Nguyễn Nhật Tường V đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

- Bản cáo trạng số: 414/CT-VKSBH ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo Nguyễn Thị T và Điều Văn H2 về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T mức án từ 04 năm – 04 năm 06 tháng tù và Điều Văn H mức án từ 03 năm 06 tháng – 04 năm tù và buộc các bị cáo chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ. Quá trình điều tra, bị cáo, người bị hại, người liên quan không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu có tại hồ sơ như: **Biên bản bắt người phạm tội quả tang**, lời khai của bị hại, lời khai của người liên quan, lời khai của người làm chứng. Đã có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 23 giờ 30 phút ngày 20/3/2021, tại đoạn đường trước Khu du lịch B thuộc khu phố 4, phường B1, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, Điều Văn H2 điều khiển xe mô tô biển số 60M5- 0606 chở Nguyễn Thị T thực hiện hành vi cướp giật 01 điện thoại di động hiệu Sam sung Galaxy J7 Prime, của chị Nguyễn Nhật Tường V, tài sản bị chiếm đoạt có giá trị định giá là 1.377.000 đồng (một triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) thì bị bắt quả tang cùng tang vật.

Xét thấy, các bị cáo Nguyễn Thị T và Điều Văn H2 thực hiện hành vi phạm tội hoàn toàn với ý thức chủ quan, công khai, thể hiện tính táo bạo, liều lĩnh nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác. Các bị cáo sử dụng xe mô tô áp sát người bị hại để thực hiện hành vi phạm tội nên đã phạm vào tình tiết định khung hình phạt “dùng thủ đoạn nguy hiểm” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị T và Điều Văn H2 là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng trực tiếp đến tài sản và tính mạng của người khác, gây mất trật tự an ninh tại địa phương nên cần xem xét mức hình phạt tương xứng nhằm mục đích răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Đánh giá vai trò của các bị cáo:

Trong vụ án này, Nguyễn Thị T là người rủ rê, khởi xướng và là người thực hành tích cực nên giữ vai trò đầu vụ, phải chịu trách nhiệm cao hơn bị cáo H2. Điều Văn H2 là người trực tiếp chở T để Thi thực hiện hành vi cướp giật tài sản nên bị can giữ vai trò đồng phạm giúp sức tích cực trong vụ án, chịu trách nhiệm thấp hơn bị cáo T.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[3] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị hại **chị Nguyễn Nhật Tường V** đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Biện pháp tư pháp:

- Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung công quỹ Nhà nước xe mô tô biển số 60M5- 0606 của Nguyễn Thị T là phương tiện dùng vào việc phạm tội.

[5] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 136, 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị T và Điều Văn H2 phạm tội “Cướp giật tài sản”;

- Xử phạt Nguyễn Thị T 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt đi thi hành án nhưng được trừ đi thời gian bị tạm giữ từ ngày 21-3-2021 đến ngày 28-3-2021.

- Xử phạt Điều Văn H2 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị tạm giữ 21-3-2021.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị T và Điều Văn H2 mỗi người phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí.

3. Quyền kháng cáo:

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án; người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố B ;
- Chi cục THADS thành phố B ;
- Cơ quan Thi hành án hình sự TP.B
- TAND tỉnh Đ;
- VKSND tỉnh Đ;
- Sở tư pháp tỉnh Đ;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người liên quan;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phú

HỘI ĐÔNG XÉT XỬ	
Các Hội thẩm nhân dân	Thẩm phán

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Đại diện Bị hại;
- Bị đơn dân sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố B ;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra tội phạm về Trật tự xã hội – Công an thành phố B ;
- Cơ quan Thi hành án hình sự – Công an thành phố B ;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - Công an thành phố B ;
- Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố B ;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phú

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Các Hội thẩm nhân dân**

Thẩm phán